TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THUỶ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Tình và ông Lê Đình Thọ

-*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thuỷ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đào Kim T sinh năm 1985

Trú tại: Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2023 và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Đào Kim T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan tâm đến gia đình, con cái, mâu thuẫn đã trầm trọng, đã ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1

Bị đơn anh Đào Kim T: Anh và chị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, đến ngày 14/02/2011 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C1, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình hòa thuận hạnh phúc và không xảy ra mâu thuẫn gì. Việc chị L làm đơn xin ly hôn và lý do xin ly hôn anh không biết. Đến tháng 10/2022, chị L đi làm ở Bắc Ninh, tết có về nhà, nghỉ tết xong rồi lại đi làm. Sau đó, đến tháng 7/2023 chị L làm đơn ly hôn và không về nhà nữa mà về nhà ngoại để ở. Anh hỏi thì chị trả lời không ở và không về nhà chồng nữa. Anh đã khuyên ngăn, nói chị về vì thương con nhưng chị vẫn không về. Nay chị L làm đơn xi ly hôn, anh muốn Tòa án hòa giải vợ chồng về ở với nhau để các con có cả bố và mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Kim A, sinh ngày 01/5/2011 và Đào Kim S, sinh ngày 13/11/2015. Hiện nay cháu S đang ở với chị L, chị có nguyện vọng được nuôi con. Cháu A đang ở với anh T, anh có nguyện vọng được nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 57, điều 58 và điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đào Kim T.

Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 02 con chung Đào Kim A, sinh ngày 01/5/2011 và Đào Kim S, sinh ngày 13/11/2015. Giao cháu Đào Kim A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Đào Kim S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành viên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Đào Kim T trú tại: Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật TTDS.

Anh Đào Kim T vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đào Kim T2

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C1, C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn là do do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan tâm đến gia đình, con cái, mâu thuẫn đã trầm trọng, đã ly thân từ tháng 10/2022 đến nay.

Chị L xin ly hôn, anh T muốn hòa giải vợ chồng về chung sống với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại biên bản xác minh ngày 12/9/2023, đại diện gia đình ông Đào Kim C bố đẻ anh T cho biết: Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị L sống chung cùng với gia đình nhà chồng. Đến năm 2022, chị L đi làm ở Công ty M thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Gia đình hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Anh T có trao đổi lại nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh T chấp nhận ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 02 con chung Đào Kim A, sinh ngày 01/5/2011 và Đào Kim S, sinh ngày 13/11/2015. Chị L có nguyện vọng nuôi cháu Kim S, anh T có nguyện vọng nuôi cháu Kim A. Cháu Kim S xin được ở với mẹ, cháu Kim A xin được ở với bố. Do đó: Giao cháu Đào Kim A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Đào Kim S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 51, điều 56, điều 57, điều 81, 82, 83 và điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 và khoản 5 điều 177, khoản 1 điều 227, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đào Kim T.

2. Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 02 con chung Đào Kim A, sinh ngày 01/5/2011 và Đào Kim S, sinh ngày 13/11/2015. Giao cháu Đào Kim A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Đào Kim S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành viên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu giải quyết.

Chị L và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010509, ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị L đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ.
- UBND xã Cẩm Ngọc;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**